

Bản án số: 42/2021/HSPT
Ngày 18/11/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Bình

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng; Ông Đỗ Văn Hiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Tạ Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 39/2020/TLPT-HS ngày 29 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Tiến H, Phan Đức Th, Nguyễn Huy H, Hà Vĩnh Qu, Lê Văn T. Do có kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Thanh H, đối với bản án hình sự sơ thẩm số 11/2020/HSST ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông P, tỉnh Gia Lai.

*** Các bị cáo:**

1. Nguyễn Tiến H, sinh năm 1992 tại huyện Krông P, tỉnh Gia Lai. Nơi cư trú: tổ dân phố 3, thị trấn Phú T, huyện Krông P, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: lái xe. Trình độ văn hóa 10/12. Dân tộc: kinh. Giới tính: nam. Tôn giáo: không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Tiến H1 và bà Phan Thị H (đã chết). Tiền án: không. Tiền sự: không. Nhân thân: ngày 17/12/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Sơn H, tỉnh Phú Yên xử phạt 09 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

Bị cáo bị tạm giữ ngày 13/12/2018 đến ngày 19/12/2018 thì chuyển sang tạm giam liên tục cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Phan Đức Th, sinh năm 1982 tại huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: xóm 5, xã Văn Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An. Nghề nghiệp: lao động tự do. Trình độ văn hóa 10/12. Dân tộc: k Giới tính: nam. Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Phan Đình M và bà Nguyễn Thị Tr. Có vợ và 02 con, con nhỏ nhất sinh năm 2018. Tiền sự: không. Tiền án: tại bản án số 1049/HSST ngày 31/8/2001 của TAND thành phố Hồ Chí Minh và bản án 1873/HSPT ngày

19/11/2001 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 16 năm tù về tội “Cướp tài sản” và tội “Hiếp dâm”. Ngày 18/02/2017 ra tù về xóm 5, xã Văn Th, Tỉnh Nghệ An thi hành hình phạt Quản chế 5 năm nhưng đến ngày 05/9/2019 Phan Đức Th tự đi khỏi địa phương. Như vậy, bị cáo mới thi hành được 01 năm 06 tháng 17 ngày quản chế.

Bị cáo bị bắt giữ ngày 13/12/2018 đến ngày 19/12/2018 chuyển sang tạm giam liên tục cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Huy H, sinh năm 1989 tại thị xã Ayun P, tỉnh Gia Lai. Nơi cư trú: tổ 1, pH2 Cheo R, thị xã Ayun P, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: làm nông. Trình độ văn hóa 9/12. Dân tộc: kinh. Giới tính: nam. Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Cao L (đã chết) và bà Doãn Thị Hải Th. Có vợ và 02 con, con nhỏ nhất sinh năm 2018. Tiền án: không. Tiền sự: không. Nhân thân: năm 2014, bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng; năm 2010, bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây th1tích cho người khác. Tại bản án số 17/2012/HSST ngày 26/7/2012 bị Tòa án nhân dân thị xã Ayun P, tỉnh Gia Lai xử phạt 09 tháng tù giam về tội “Đánh bạc”, bị cáo đã chấp hành án xong, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị giữ ngày 13/12/2018 đến ngày 19/12/2018 chuyển sang tạm giam liên tục cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

4. Hà Vĩnh Qu, sinh năm 1987 tại thị xã Ayun P, tỉnh Gia Lai. Nơi cư trú: tổ 5, pH2 Cheo R, thị xã Ayun P, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: thợ Sơn. Trình độ văn hóa: 9/12. Dân tộc: kinh. Giới tính: nam. Tôn giáo: không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Hà Vĩnh N (đã chết) và bà Nguyễn Thị H. Có vợ và 01 con. Tiền án: không. Tiền sự: không.

Bị cáo bị truy nã và đầu thú vào ngày 15/02/2019, bị tạm giữ từ ngày 15/02/2019 đến ngày 18/02/2019 chuyển tạm giam liên tục cho đến ngày được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ngày 15/9/2021. Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt

Hiện đang chấp hành án theo Bản án số 14/2021/HSST ngày 26/5/2021 TAND thị xã Ayun P, tỉnh Gia Lai tuyên phạt 2 năm tù về tội “Cố ý gây th1tích”

5. Lê Văn T, sinh năm 1998 tại huyện Krông P, tỉnh Gia Lai. Nơi cư trú: thôn Đông H, xã Phú C, huyện Krông P, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: thợ sơn. Trình độ văn hóa 9/12. Dân tộc: kinh. Giới tính: nam. Tôn giáo: không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Văn Ngh (đã chết) và bà Nguyễn Thị H. Có vợ và 01 con. Tiền án: không. Tiền sự: không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt

* Bị hại có kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1979. Trú tại: buôn Chai, xã Chư Drăng, huyện Krông P, tỉnh Gia Lai. Được triệu tập hợp lệ, vắng mặt, không có lý do

* Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại bà Nguyễn Thị Thanh H1: Ông Lê H và ông Nguyễn Đình Gi – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Lê H. Địa chỉ: số 58 Nguyễn D, thành phố Hà T, tỉnh Hà T. Được triệu tập hợp lệ, vắng mặt, không có lý do

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị H2, sinh năm 1974. Trú tại: tổ dân phố 4, thị trấn Phú T, huyện Krông P, tỉnh Gia Lai. Được triệu tập hợp lệ, vắng mặt, không có lý do

- Anh Hồ Thái Ý, sinh năm 1994. Trú tại: tổ dân phố 3, thị trấn Phú T, huyện Krông P, tỉnh Gia Lai. Được triệu tập hợp lệ, vắng mặt, không có lý do

- Anh Lê Công Bảo D, sinh năm 1997. Trú tại: tổ dân phố 6, thị trấn Phú T, huyện Krông P, tỉnh Gia Lai. Được triệu tập hợp lệ, vắng mặt, không có lý do

* Người làm chứng:

- Bà Phạm Thị M, sinh năm 1960; Trú tại: tổ dân phố 6, thị trấn Phú T, huyện Krông P, tỉnh Gia Lai. Được triệu tập hợp lệ, vắng mặt, không có lý do

- Ông Lê Văn Th, sinh năm 1968; Trú tại: tổ dân phố 4, thị trấn Phú T, huyện Krông P, tỉnh Gia Lai. Được triệu tập hợp lệ, vắng mặt, không có lý do

- Ông Nguyễn Tiến H1, sinh năm 1975; Trú tại: tổ dân phố 2, thị trấn Phú T, huyện Krông P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 11/2018, chị Phạm Thị H2 gặp và đưa một giấy nợ, nhờ Nguyễn Tiến H đến gặp chị Nguyễn Thị Thanh H1 đòi số tiền nợ 76.000.000 đồng, số tiền nợ này chị H1 vay và ứng tiền bán mì của chị H2 từ năm 2016 đã quá hạn thanh toán, dù chị H2 đã đòi nhiều lần nhưng chị H1 chưa trả.

Khoảng 14 giờ ngày 12/12/2018, khi Nguyễn Tiến H rủ Phan Đức Th, Nguyễn Huy H, Hà Vĩnh Qu đi đòi nợ và được mọi người đồng ý. H nhờ Lê Văn T điều khiển xe ô tô, BKS 78A-024.12 chở H, Hoàng, Th, Qu đến phòng trọ của H để lấy giấy nợ mà chị H2 đã đưa cho H. Sau đó cả nhóm đến nhà chị Nguyễn Thị Thanh H1. Tại đây H và Th yêu cầu chị H1 trả số tiền 76.000.000 đồng nợ của chị H2. Chị H1 nói hiện tại không có đủ số tiền trên nên chưa trả ngay được. Nghe vậy, H và Th dùng tay tát vào mặt chị H1, H tiếp tục dùng ghế nhựa có sẵn trong nhà đánh vào đầu chị H1. Tiếp đó H cầm tay kéo còn Th dùng tay đẩy chị H1 lên xe ô tô.

Thấy vậy Hoàng, Qu và T cũng lên xe ô tô cùng H và Th chở chị H1 đến khu vực rẫy thuộc buôn H'Ngôm, xã Chư Drăng, Krông P. Tại đây, H, Hoàng, Qu, Th xuống xe đứng vây quanh chị H1 còn T đi tìm chỗ đậu xe. H lấy 01 cây gỗ (nhặt tại rẫy) đánh vào người chị H1, chị H1 dùng tay đỡ. Lúc đó T đi tới thấy H giơ cây lên để đánh cái thứ hai thì T can ngăn và bỏ lên xe ngồi nên H không dùng cây đánh nữa mà dùng tay tát vào mặt chị H1, Th dùng tay tát vào mặt chị H1. Chị H1 bị ngã xuống đất, H lấy cây củi khô xếp quanh người chị H1 còn Hoàng mở nắp bình dầu xe ô tô, dọa lấy xăng đốt. H tiếp tục dùng cây gỗ đánh vào đầu chị H1. Đến khi chị H1 hứa 10 ngày sau sẽ trả 20.000.000 đồng thì các đối tượng mới đưa chị H1 lên xe ô tô chở về nhà lúc 15 giờ cùng ngày. Sau đó chị H1 được gia đình đưa đi cấp cứu tại bệnh viện huyện Krông P, bị đa chấn thương, gãy xương cẳng tay trái. Chị Nguyễn Thị Thanh H được chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai điều trị với những tH1 tích cụ thể như sau: Lần thứ 1: Từ ngày 15/12/2018 đến ngày 20/12/2018 chuẩn đoán: Chấn động não + gãy 1/3 xương trụ trái + Đa sang chấn mặt, vai phải, thai khoảng 8 tuần tuổi sống; Lần thứ 2: Từ ngày 03/01/2019 đến ngày 09/01/2019, điều trị thai 8 tuần tuổi ngưng phát triển; Lần thứ 3: Từ ngày 15/01/2019 đến ngày 23/01/2019, điều trị gãy 1/3 xương trụ trái.

Cơ quan điều tra đã 02 lần trưng cầu giám định về tổn hại sức khỏe của bị hại Nguyễn Thị Thanh H.

Lần 1: Tại Bản kết luận giám định pháp y về tH1 tích số 36/2019/TgT của Trung tâm pháp y tỉnh Gia Lai kết luận dấu hiệu chính qua giám định: Gãy 1/3 dưới xương trụ trái đã mổ kết hợp xương, can liền tốt, thẳng trục chức năng tay trái không bị ảnh hưởng: 8%; Thai 8 tuần 3 ngày chết lưu được điều trị bằng pH1 pháp gây sảy thai bằng thuốc + Nạo buồng tử cung/Phụ nữ đã có con 17%. Tỷ lệ tổn tH1 cơ thể do tH1 tích gây nên tại thời điểm giám định là 24%. Áp dụng pH1 pháp cộng lùi theo Thông tư 20/2014/TT-BYT. Nguyên nhân gây ra thai 8 tuần tuổi ngưng phát triển: Tại thời điểm giám định, nguyên nhân đã được điều trị gây sảy thai bằng thuốc đã ổn định hoàn toàn, thời gian nhập viện phát hiện thai ngưng phát triển sau thời gian xảy ra vụ việc là hơn 15 ngày nên không xác định được nguyên nhân thai 8 tuần tuổi ngưng phát triển

Lần 2: Tại Bản kết luận giám định pháp y về tH1 tích số 47/2019/TgT của Viện Pháp y Quốc gia Trung ương tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Nguyễn Thị Thanh H bị lưu thai khoảng 08 tuần tuổi. Không đủ cơ sở xác định thai lưu là do chấn tH1 vào ngày 12/12/2018 gây ra hay do bệnh lý; Sẹo phẫu thuật cẳng tay trái, kích thước lớn 08%; Gãy xương trụ trái đã phẫu thuật kết hợp xương, đang can xương, thẳng trục, không ảnh hưởng chức năng cẳng tay 08%. Tổng tỷ lệ tổn tH1 cơ thể do tH1 tích gây nên tại thời điểm giám định là 15%.

2. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án hình sơ sơ thẩm số 11/2020/HSST ngày 19/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông P, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tiến H, Nguyễn Huy H, Hà Vĩnh Qu, Phan Đức Th phạm tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và tội “*Cố ý gây tH1tích*”, bị cáo Lê Văn T phạm tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến H 01 (một) năm tù về tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến H 03 (ba) năm tù về tội “*Cố ý gây tH1tích*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55, Điều 56 của BLHS: Tổng hợp hình phạt của tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*” và tội “*Cố ý gây tH1tích*”, tổng hợp hình phạt 09 tháng tù tại Bản án số 31/2019/HSST ngày 17/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên, buộc bị cáo Nguyễn Tiến H phải chấp hành hình phạt chung 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 13/12/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm i, h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Phan Đức Th 01 (một) năm tù về tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm i, h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Phan Đức Th 03 (ba) năm tù về tội “*Cố ý gây tH1tích*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của BLHS: Tổng hợp hình phạt của tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*”, và tội “*Cố ý gây tH1tích*” buộc bị cáo Phan Đức Th phải chấp hành hình phạt chung 04 (bốn) năm. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 13/12/2018.

Bị cáo tiếp tục quản chế trong thời hạn còn lại của bản án số 1049/HSST ngày 31/8/2001 của TAND thành phố Hồ Chí Minh và bản án 1873/HSPT ngày 19/11/2001 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Huy H 08 (tám) tháng tù về tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Huy H 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “*Cố ý gây tH1tích*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của BLHS: Tổng hợp hình phạt của tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*”, và tội “*Cố ý gây tH1tích*” buộc bị cáo Nguyễn Huy H phải chấp hành hình phạt chung 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 13/12/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Hà Vĩnh Qu 07 (bảy) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Hà Vĩnh Qu 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây th1tích”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của BLHS: Tổng hợp hình phạt của tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*”, và tội “*Cố ý gây th1tích*” buộc bị cáo Hà Vĩnh Qu phải chấp hành hình phạt chung 02 (hai) năm 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 15/02/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 65, Điều 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Văn T 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác theo luật định.

3. Kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Thanh H:

Ngày 3/6/2020 bị hại Nguyễn Thị Thanh H kháng cáo cho rằng các bị cáo Nguyễn Tiến H, Nguyễn Huy H ngoài hành vi phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, tội “*cố ý gây th1tích*”, còn có hành vi phạm tội “Đe dọa giết người”; và trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án không khách quan, bỏ lọt tội phạm là bà Phạm Thị H với vai trò chủ mưu, cầm đầu trong vụ án.

4. Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo không kháng cáo, đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên. Trong lời nói sau cùng các bị cáo đều mong muốn được giảm nhẹ hình phạt

Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Thanh H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị cáo Hà Vĩnh Qu, Lê Văn T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; bị hại Nguyễn Thị Thanh H; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại ông Lê H, Nguyễn Đình Giáp; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H, Hồ Thái Ý, Lê Công Bảo D; người làm chứng Phạm Thị M, Lê Văn Th đã được triệu tập hợp lệ, vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Tiến H, Phan Đức Th, Nguyễn Huy H khai nhận hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã tuyên. Theo đó, do được bà Phạm Thị H nhờ đi đòi nợ, nên ngày 12/12/2018, H, Th, Hoàng, Qu và T đã có hành vi bắt, giữ chị Nguyễn Thị Thanh H rồi H, Th, Hoàng và Qu đã có hành vi dùng tay, cây đánh chị H1, để buộc trả nợ, hậu quả chị H1 bị tổn hại 15% sức

khỏe. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Tiến H, Phan Đức Th, Nguyễn Huy H, Hà Vĩnh Qu, Lê Văn T về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự và xét xử các bị cáo Nguyễn Tiến H, Phan Đức Th, Nguyễn Huy H, Hà Vĩnh Qu về tội “Cố ý gây th1tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bị hại cho rằng bị cáo Nguyễn Tiến H, Nguyễn Huy H phạm tội “Đe dọa giết người”, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Điều 133 Bộ luật hình sự quy định tội đe dọa giết người: “*Người nào đe dọa giết người, nếu có căn cứ làm cho người bị đe dọa lo sợ rằng việc đe dọa này sẽ được thực hiện thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm...*”

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Phan Đức Th khai (BL 165, 178): “*anh H hù lấy xăng rồi anh H có đánh bà H1mấy cái, sau tôi thấy anh H lấy cây đánh và tôi sợ xảy ra th1tích nên tôi đã can và bảo anh H đừng đánh nữa, hỏi bà lúc nào trả rồi chở bà về lại nhà của bà đi*”, và “*tại đây H nhặt củi khô ở hàng rào và dọa đốt chị H1, sau đó H yêu cầu chị H1trả nợ nhưng chị H1nói là không có tiền trả rồi giữa hai người xảy ra lớn tiếng, khi tôi quay lại thì thấy H dùng cành cây khô đánh vào người (tôi không rõ H đánh trúng đâu) khi H đang đánh cái thứ hai thì T có can ngăn H*”;

Nguyễn Huy H khai (Bl 198): “*tôi mở nắp bình xăng (nắp bảo vệ phía ngoài) và H nói với chị H1là bà tin tui chất củi đốt bà không thì chị H1ngồi im không nói gì*”

Hà Vĩnh Qu khai (Blục 207): “*trong khi đánh chị H1thì H và Th liên tục yêu cầu chị H1trả nợ cho H, đến khi chị H1hứa 10 ngày sau sẽ trả trước 20 triệu đồng, còn lại sẽ trả sau thì H mới không đánh chị H1nữa*”

Theo lời khai nêu trên của các bị cáo thì việc bị hại hứa trả tiền là do nguyên nhân bị đánh, chứ không phải do bị hại sợ bị đốt như các bị cáo đe dọa;

Lời khai của các bị cáo nêu trên phù hợp với lời khai của bị hại tại các bút lục 239, 243, 249, 250, 916. Tại các tài liệu này bị hại khai: “*do bị các bị cáo liên tục đánh nên bị hại hứa sau 10 ngày sẽ trả trước 20 triệu đồng thì các đối tượng mới tha cho tôi về*”; còn tại “Đơn xin trình báo” ngày 13/12/2018 bị hại trình bày: “*bọn nó mở nắp thùng xăng ô tô sau đó bọn nó đòi đốt tôi. Lúc đó tôi van xin bọn nó nhưng bọn nó nói trả tiền cho bọn tao, tôi có nói với bọn nó là chị không nợ tiền gì chúng mày. Sau đó bọn nó nhổ cây bờ rào đánh tôi...*”

Như vậy, mặc dù bị cáo H có hành vi chất củi lên người bị hại, bị cáo Hoàng có hành vi mở nắp ngoài bình xăng của xe, đe dọa đốt bị hại, tuy nhiên bị hại vẫn không hẹn ngày trả nợ, dẫn đến việc các bị cáo H có lời nói to tiếng với bị hại, và bị cáo H có hành vi đánh bị hại tiếp. Việc bị hại hẹn 10 ngày sau trả nợ là do bị cáo H đánh chứ không phải do ở hành vi chất củi, mở nắp bình xăng đe dọa mà bị hại hứa hẹn ngày trả tiền. Cho thấy diễn biến tâm lý của bị hại là không lo sợ việc chất củi đốt sẽ xảy ra. Việc các bị cáo H và Hoàng dọa đốt không làm cho bị hại lo sợ sẽ là sự thật, mà đây chỉ là hành vi trong chuỗi các hành vi của các bị cáo được diễn ra liên tiếp, và cũng là pH1pháp để nhằm đạt một mục đích chỉ đòi nợ và hẹn ngày trả nợ.

Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Tiến H và Nguyễn Huy H không đủ các yếu tố để cấu thành tội “Đe dọa giết người”. Kháng cáo của bị hại về nội dung này là không có cơ sở chấp nhận

[4] Xét kháng cáo của bị hại về việc bỏ lọt tội phạm đối với vai trò cầm đầu của bà Phạm Thị H, HĐXX thấy rằng:

Bà Phạm Thị H là người trực tiếp nhờ bị cáo H đi đòi nợ thay cho bà. Việc bà H2 nhờ H chỉ có một mình bị cáo H biết. Khi nhờ, giữa bà H2 và bị cáo H không có sự bàn bạc, hay nói bị cáo H phải đòi tiền bằng cách dùng vũ lực, hay thực hiện hành vi trái pháp luật. Mà hành vi của các bị cáo thực hiện là do sự bộc phát của các bị cáo, mong muốn đòi được nợ thì sẽ được bà H2 trả công. Điều này phù hợp với tất cả các lời khai của bị cáo H về việc bà H2 nhờ H đi đòi nợ thay và không có sự chỉ đạo cũng như hứa hẹn gì sau đó.

Mặc khác, đối với yêu cầu làm rõ file ghi âm do ông Nguyễn Tiến H1 cung cấp để xác định vai trò cầm đầu chủ mưu của bà Phạm Thị H và các cán bộ điều tra thì Tòa án nhân dân huyện Krông P, tỉnh Gia Lai đã ra Quyết định trả hồ sơ điều tra vụ án. Tại bản kết luận điều tra bổ sung số 07/KLĐTBS ngày 15/01/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông P cũng đã xác định không có căn cứ làm rõ đoạn ghi âm chứa nội dung bà H2 đóng vai trò cầm đầu chủ mưu, hay chỉ đạo bị cáo H và cũng không có sự việc các bị cáo thay đổi lời khai theo sự chỉ đạo của cơ quan điều tra như nội dung tố cáo. Do đó, kháng cáo của bị hại về việc làm rõ vai trò đồng phạm, cầm đầu, chủ mưu của bà Phạm Thị H là không có cơ sở chấp nhận.

Bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Thanh H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2020/HSST ngày 19/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông P, tỉnh Gia Lai

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tiến H, Nguyễn Huy H, Hà Vĩnh Qu, Phan Đức Th phạm tội “*Cố ý gây tH1tích*” và tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”, bị cáo Lê Văn T phạm tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến H 01 (một) năm tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến H 03 (ba) năm tù về tội “*Cố ý gây tH1tích*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55, Điều 56 của Bộ luật Hình sự: tổng hợp hình phạt của tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và tội “*Cố ý gây tH1tích*”, tổng hợp hình phạt 09 tháng tù tại Bản án số 31/2019/HSST ngày 17/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên, buộc bị cáo Nguyễn Tiến H phải chấp hành

hình phạt chung 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 13/12/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm i, h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phan Đức Th 01 (một) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm i, h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Phan Đức Th 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây tH1tích”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự: tổng hợp hình phạt của tội "Bắt, giữ người trái pháp luật", và tội “Cố ý gây tH1tích”, buộc bị cáo Phan Đức Th phải chấp hành hình phạt chung 04 (bốn) năm. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 13/12/2018.

Bị cáo bị tiếp tục quản chế trong thời hạn còn lại của bản án số 1049/HSST ngày 31/8/2001 của TAND thành phố Hồ Chí Minh và bản án 1873/HSPT ngày 19/11/2001 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Huy H 08 (tám) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Huy H 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Cố ý gây tH1tích”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự: tổng hợp hình phạt của tội "Bắt giữ người trái pháp luật", và tội “Cố ý gây tH1tích” buộc bị cáo Nguyễn Huy H phải chấp hành hình phạt chung 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 13/12/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hà Vĩnh Qu 07 (bảy) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hà Vĩnh Qu 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây tH1tích”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự: tổng hợp hình phạt của tội "Bắt, giữ người trái pháp luật", và tội “Cố ý gây tH1tích”, buộc bị cáo Hà Vĩnh Qu phải chấp hành hình phạt chung 02 (hai) năm 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 15/02/2019. (Đã chấp hành xong)

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 65, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Văn T 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/5/2020.(Đã chấp hành xong)

2. Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH2 vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ

phí Tòa án: Bị hại Nguyễn Thị Thanh H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Krông P;
- Tòa án ND huyện Krông P;
- Chi cục THA huyện Krông P;
- Công an huyện Krông P;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA, Văn thư, THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Bình